

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 06/4/2023

v/v tranh chấp chia tài sản sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh T.

Các thẩm phán:

1. Bà Trần Thị Lê N.

2. Ông Nguyễn Anh D.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh T - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:** Bà Nguyễn Bách Thiện L - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 124/2022/TLPT-HNGĐ ngày 17/10/2022 về tranh chấp chia tài sản sau ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 36/2022/HNGĐ-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh O, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2023/QĐXX-PT ngày 14/2/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐ-ST ngày 28/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐ-ST ngày 13/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐ-ST ngày 30/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976.

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện Thanh O, Thành phố Hà Nội. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1977.

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện Thanh O, Thành phố Hà Nội. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1952. (Vắng mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952. (Vắng mặt)

3.3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn B, xã T, huyện Thanh O, Thành phố Hà Nội.

3.4. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm Ải Ngoài, thôn B, xã T, huyện Thanh O, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 01/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Thanh O thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L và bị đơn là anh Nguyễn Hữu T. Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 32/2019/HNGĐ-ST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh O đã quyết định:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung: tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Thu Hà, sinh năm 2004 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ trợ cấp nuôi con chung cho chị L đến khi các bên có yêu cầu. Chị L có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: Xác định anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị L có khối tài sản chung gồm: kết sắt, tủ lạnh, máy giặt, điều hòa, ti vi, bộ âm ly, loa đài, kệ tủ, ghế ngồi, 01 xe máy BKS 29X7-08057, quạt trần, quạt bàn, xe đạp, cây bưởi, cây lộc vừng, 01 nhà mái bằng mái tôn phía trước và sau; công trình phụ, bể nước, cổng ngõ; 01 xe mô tô BKS 33K8-3368. Tổng giá trị tài sản là 164.758.000 đồng. Phần của mỗi người có được là 82.379.000 đồng.

Giao anh Nguyễn Hữu T được quản lý, sử dụng, định đoạt các tài sản chung: kết sắt, tủ lạnh, máy giặt, điều hòa, ti vi, bộ âm ly, loa đài, kệ tủ, quạt trần, quạt bàn, xe đạp, cây bưởi, cây lộc vừng, một nhà mái bằng, mái tôn phía trước và sau, công trình phụ, bể nước, cổng ngõ, tổng giá trị tài sản là 153.758.000 đồng.

Giao cho chị L được tiếp tục sử dụng 01 xe mô tô BKS 33K8-3368 có giá trị 1.000.000 đồng; 01 bộ ghế ngồi bằng gỗ, 01 xe máy 29X7-08057 có tổng giá trị là 11.000.000 đồng.

Buộc anh T phải thanh toán phần chênh lệch về giá trị tài sản chung cho chị L là 71.379.000 đồng.

Tách yêu cầu của chị L về việc xem xét một số tài sản gồm: 01 xe đạp điện mua năm 2014; 01 máy khâu, 02 xe ba bánh tự chế của anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị L trong vụ án này.

- Về nợ chung: Xác nhận anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị L còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Thanh O, TP Hà Nội, số nợ theo

Hợp đồng số LAV 201401911 ngày 14/5/2014, tính đến ngày 05/3/2019 thì nợ gốc là 108.700.000 đồng, nợ lãi là 76.377.164 đồng, tổng số nợ là 185.077.164 đồng. Anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị L mỗi người có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền là 92.538.582 đồng (gốc là 54.350.000 đồng, lãi là 38.188.582 đồng). Từ ngày 06/3/2019 cho đến khi trả xong số nợ gốc thì hàng tháng anh T và chị L mỗi người còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc chậm trả là 150% mức lãi suất do các đương sự thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Ngày 24/9/2019 Tòa án nhân dân huyện Thanh O có Thông báo số 05 về việc chị Nguyễn Thị L kháng cáo Bản án số 32 trên.

Ngày 05/5/2020 Tòa án NDTP Hà Nội tiến hành xét xử phúc thẩm và ban hành Bản án số 47 với nội dung như sau:

Tại thời điểm năm 1999, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện chung sống nhưng không đăng ký kết hôn là bất hợp pháp. Tuy nhiên, đến ngày 21/8/2014 chị L và anh T đã đăng ký kết hôn. Do đó, tài sản phát sinh trong thời gian từ 1999 đến khi chấm dứt hôn nhân được giải quyết theo chế độ tài sản chung của vợ chồng quy định tại Điều 29 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, năm 2009 vợ chồng anh T, chị L được cha mẹ của anh T cho phép xây dựng ngôi nhà mái bằng khoảng 70 m² cùng công trình phụ như bể chứa nước, bếp, khu vệ sinh trên một phần thửa đất của gia đình. Ngoài ra vợ chồng anh T, chị L còn tạo lập được một số tài sản như: 01 két sắt, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 điều hòa, 01 ti vi, 01 bộ dàn đài âm thanh, 01 máy khâu, 01 kệ gỗ để ti vi, 01 bộ bàn ghế gỗ, 02 xe ba bánh tự chế, 01 xe đạp điện, 01 xe đạp. Chị L tranh chấp động sản do anh T đã tự bán trong thời gian ly thân gồm: 01 máy khâu, 02 xe ba bánh tự chế, 01 xe đạp điện. Do tài sản không còn để định giá nhưng chị L không đồng ý với số tiền là anh T đã bán. Tại Đơn xin trình bày ngày 19/6/2019 anh T xác định được đã bán tài sản cho người mua là anh Dũng ở Hưng Giáo, Tam Hưng, Thanh O, Hà Nội. Lẽ ra TAND huyện Thanh O phải sử dụng các biện pháp thu thập chứng cứ để xác minh lời khai của đương sự từ anh Dũng, trên cơ sở đó đề nghị Hội đồng định giá xác định giá trị tài sản theo vật cùng loại rồi khấu hao giá trị sử dụng để giải quyết triệt để vụ án. TAND huyện Thanh O đã tách yêu cầu phân chia tài sản của chị L là không phù hợp.

TAND huyện Thanh O đã phân chia tài sản là ngôi nhà và công trình phụ gắn liền với đất nhưng không xác định rõ thửa đất và phần diện tích đất có tài sản nêu trên. Ngoài ra, lời khai của chị Nguyễn Thị L về nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng là có thể chấp nhà cũng gắn liền với quyền sử dụng đất của gia đình. Tuy nhiên, TAND huyện Thanh O không đưa chủ sử dụng đất cha mẹ anh T là vợ chồng ông Nguyễn Hữu N tham gia tố tụng trong vụ án. TAND thành phố Hà Nội cũng đã báo gọi nhưng vợ chồng ông Nhường không đến làm việc nên không thể khắc phục được sai sót để giải quyết nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị L liên

quan đến nhà đất trong vụ án. Đây cũng là tài sản thế chấp cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng của anh T, chị L.

Quá trình tham gia tố tụng anh T yêu cầu giải quyết một số khoản nợ khác. Mặc dù sau đó anh T xin rút yêu cầu giải quyết nhưng TAND huyện Thanh O chưa báo gọi những người cho vay tiền là anh Thắng, chị Ngà (ở Bối Khê, Tam Hưng, Thanh O, Hà Nội) để làm rõ quan điểm mới giải quyết triệt để về tài sản và nghĩa vụ trả nợ trong vụ án. Chị Nguyễn Thị L có bản tự khai yêu cầu đòi nợ số tiền 40.000.000 đồng cho anh T, chị L vay nhưng cũng không được TAND huyện Thanh O xem xét.

Do Tòa án xét xử sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm nên chấp nhận kháng cáo của chị L để hủy phần giải quyết chia tài sản và nợ của bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở nhận định trên, quyết định như sau:

- Hủy phần chia tài sản và giải quyết nghĩa vụ trả nợ tại Bản án HN và GD số 32/2019 ngày 18/9/2019 của TAND huyện Thanh O. Giao hồ sơ vụ án về TAND huyện Thanh O giải quyết lại theo quy định pháp luật.

- Nội dung quyết định khác của Bản án HN và GD số 32/2019 ngày 18/9/2019 của TAND huyện Thanh O không bị kháng cáo có hiệu lực pháp luật, cụ thể:

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Giao anh T trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Hà đến khi trưởng thành hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn cho chị L cấp dưỡng nuôi con đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí LHST, chị L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Ngày 03/12/2020 TAND huyện Thanh O thụ lý vụ án số 297 để tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày quan điểm như sau:

Chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về tài sản chung: Tôi đề nghị Tòa án chia tài sản chung như theo thông báo kết quả đã thẩm định, định giá ngày 15/5/2019 gồm: một ngôi nhà mái bằng xây cuối năm 2009 xây trên đất của bố mẹ chồng có diện tích 70 m², 01 ti vi, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 điều hòa, hai xe máy, 01 xe đạp, 01 xe đạp điện, 01 máy khâu, 02 xe công nông tự chế, 01 bộ ghế gỗ, 01 kệ để ti vi, 01 bộ giàn âm thanh, 01 kết sắt.

Tổng giá trị tài sản là 164.758.000 đồng. Tôi đề nghị chia tài sản theo quy định pháp luật.

Về đất, vợ chồng tôi đã làm nhà mà bố mẹ tôi cho xây nhà từ năm 2009, tôi đề nghị chia đôi giá trị đất với giá 18.000.000 đồng/m², chia cho tôi bằng tiền hoặc đất đều được.

Về nợ chung: Tôi có cầm tiền vay của Ngân hàng nông nghiệp về đưa cho bố chồng tôi, bố chồng tôi đưa tiền cho cháu vay. Tôi đã trả được hơn 100.000.000 đồng. Về số nợ này ông Nhường là người có tài sản thế chấp, là người phải trả nợ ngân hàng, tôi không phải trả. Ngoài ra tôi và anh T còn nợ bà Hoàng Thị T 25.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Về tài sản chung: Tôi đề nghị Tòa án chia tài sản chung như theo thông báo kết quả thẩm định tài sản ngày 15/5/2019 của TAND huyện Thanh O.

Tổng giá trị là 164.758.000 đồng. Tôi đề nghị chia tài sản theo quy định pháp luật. Về đất để xây nhà bố mẹ tôi chưa chia cho ai cả, nên tôi không đồng ý chia.

Về nợ chung: chúng tôi có khoản nợ chung gồm: Nợ Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam 300.000.000 đồng từ năm 2014, hiện nay khoản nợ này bố mẹ tôi đã trả hết. Vay của chị Nguyễn Thị L 50.000.000 đồng vào năm 2014, số nợ này chưa trả. Vay của anh Thắng, chị Ngà ở Tam Hưng 20.000.000 đồng vào năm 2014, cô Lan đã trả 8.000.000 đồng, tôi đã trả 12.000.000 đồng. Vay của Quỹ nước sạch xã T 20.000.000 đồng từ năm 2014, tôi đã trả số nợ này.

Bà Nguyễn Thị N trình bày:

Đất ở là của vợ chồng tôi, vợ chồng tôi chưa cho ai cả. Vì vậy tôi không đồng ý chia đất. Về số nợ ngân hàng của anh T, chị L: vì vợ chồng tôi thế chấp nhà đất cho ngân hàng nên vợ chồng tôi phải đi vay mượn để trả nợ ngân hàng, toàn bộ khoản nợ này vợ chồng tôi là người trả. Số nợ Quỹ tín dụng nhân dân 40.000.000 đồng là vợ chồng tôi trả. Nợ quỹ nước sạch xã T 20.000.000 đồng do vợ chồng tôi trả. Vợ chồng tôi có quan điểm: Toàn bộ số nợ của anh T, chị L nợ mà vợ chồng tôi phải trả, đề nghị Tòa án khi giải quyết chia tài sản xem xét tới quyền lợi của vợ chồng tôi.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 36/2022/HNGĐ-ST ngày 08/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Thanh O đã quyết định:

1. Giao cho anh Nguyễn Hữu T có quyền sở hữu: Một ngôi nhà mái bằng xây cuối năm 2009 có diện tích 70m² xây trên thửa đất số 274, tờ bản đồ số 05 diện tích 629m² đứng tên hộ ông Nguyễn Hữu N tại thôn B, xã T, huyện Thanh O, Thành phố Hà Nội. 01 ti vi, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 điều hòa, hai xe máy, 01 xe đạp, 01 xe đạp điện, 01 máy khâu, 02 xe công nông tự chế, 01 bộ ghế gỗ, 01 kệ để ti vi, 01 bộ giàn âm thanh, 01 kết sắt.

Tổng giá trị tài sản là 164.758.000 đồng. Toàn bộ số tài sản trên, hiện anh Nguyễn Hữu T là người quản lý.

2. Buộc anh Nguyễn Hữu T phải thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị L: Tiền chia tài sản chung 82.379.000 đồng; tiền thanh toán công sức là 230.000.000 đồng. Tổng tiền là 312.379.000 đồng.

3. Buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho anh Nguyễn Hữu T số tiền nợ ngân hàng cả gốc và lãi do ông Nhường đã thanh toán là: 228.978.050 đồng.

Đối trừ vào phần nghĩa vụ của anh T phải thanh toán cho chị L là 312.379.000 đồng. Số tiền còn lại anh Nguyễn Hữu T phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị L là 83.400.950 đồng.

4. Ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị N có quyền đòi anh Nguyễn Hữu T số tiền ông Nhường, bà Nèo đã trả ngân hàng Agribank chi nhánh Thanh O số tiền cả gốc và lãi là 457.956.100 đồng khi có yêu cầu.

+ Về khoản nợ 50.000.000 đồng anh T khai vay chị Nguyễn Thị L. Xác định đây là khoản nợ riêng của anh T.

+ Về khoản nợ của bà Hoàng Thị T 25.000.000 đồng, Xác định đây là khoản nợ riêng của chị L. Bà Hoàng Thị T có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

+ Về khoản nợ quỹ nước sạch 20.000.000 đồng theo anh T trình bày. Anh T không chứng minh được khoản nợ trên nên không có căn cứ để xem xét.

+ Về việc chị Nguyễn Thị L trình bày khoản tiền vay 300 triệu đồng của ngân hàng Agrbink chi nhánh Thanh O. Ông Nhường và bà Nèo cho cháu vay. Việc này chị L không có tài liệu nào chứng minh. Vì vậy không có căn cứ để xem xét.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/9/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T đề nghị y án sơ thẩm.

Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, đồng thời giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về chấp hành pháp luật của Thẩm phán và HĐXX tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đương sự đã thực hiện tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp dự phí kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị L, y bản án sơ thẩm. Về án phí, chị L phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 03/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Thanh O thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số 297/HNGĐ căn cứ vào Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 47/2020/HNGĐ-PT ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thanh O thụ lý vụ và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Ngày 08/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Thanh O xét xử sơ thẩm và tuyên án. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 12/9/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo là trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và đã nộp tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị Nương, bà Hoàng Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu T quen biết, tìm hiểu nhau và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương năm 1999. Đến ngày 1/8/2014, chị L, anh T đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh O, TP Hà Nội. Do đó, tài sản phát sinh trong thời gian từ 1999 đến khi chấm dứt hôn nhân được giải quyết theo chế độ tài sản chung của vợ chồng quy định tại Điều 29 Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời kỳ hôn nhân từ năm 1999 đến ngày 05/5/2020, chị L và anh T tạo dựng được một số tài sản chung của vợ chồng và có vay nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét đến 02 nội dung trên.

[3] Xét tài sản chung vợ chồng, Hội đồng xét xử nhận thấy;

Về bất động sản, chị L xác định tài sản chung vợ chồng là quyền sử dụng đất gắn liền với ngôi nhà mái bằng khoảng 70 m² cùng công trình phụ như bể chứa nước, bếp, khu vệ sinh trên một phần thửa đất của gia đình anh T. Tài liệu hồ sơ thể hiện quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 274, tờ bản đồ số 5, diện tích 629m² đất ở tại

địa chỉ thôn B, xã T, huyện Thanh O, Hà Nội đã được UBND huyện Thanh O cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/5/2002 cho hộ ông Nguyễn Hữu N. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định tài sản chung vợ chồng là 01 ngôi nhà mái bằng xây cuối năm 2009 xây trên đất của bố mẹ chồng có diện tích 70 m² là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

Về động sản, anh T và chị L cùng thống nhất xác định vợ chồng có các tài sản chung gồm: 01 ti vi, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 điều hòa, hai xe máy, 01 xe đạp, 01 xe đạp điện, 01 máy khâu, 02 xe công nông tự chế, 01 bộ ghế gỗ, 01 kệ để ti vi, 01 bộ giàn âm thanh, 01 kết sắt.

Về giá trị tài sản, anh T, chị L thống nhất theo kết quả Biên bản định giá tài sản ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh O xác định tổng giá trị tài sản là 164.758.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu T có quyền được hưởng mỗi người một nửa giá trị là 82.379.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia 50% giá trị tài sản là có căn cứ phù hợp các quy định Điều 38, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Thông tư 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/1/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về công sức: Xét thấy quá trình chung sống từ năm 1999 đến năm 2014, chị L cũng có nhiều công sức trong việc tạo dựng các tài sản trong gia đình, cũng như chăm lo cho gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc anh T thanh toán cho chị L một khoản tiền nhất định để chị L ổn định cuộc sống từ 220.000.000 đồng đến 230.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật và phù hợp với thực tế khách quan.

[4] Về nợ chung của vợ chồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong thời kỳ hôn nhân của chị Nguyễn Thị L có ký với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Thanh O, TP Hà Nội 01 Hợp đồng tín dụng số LAV 201401911 ngày 14/5/2014 số tiền là 300.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay, chị L và ông Nguyễn Hữu N ký với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Thanh O, TP Hà Nội 01 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 78 ngày 06/5/2014 với tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/5/2002 của UBND huyện Thanh O đối với thửa đất số 274, tờ bản đồ số 5, diện tích 629m² đất ở tại địa chỉ thôn B, xã T, huyện Thanh O, Hà Nội cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu N. Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi 157.956.100 đồng. Tổng số tiền vay Ngân hàng cả gốc và lãi là: 457.956.100 đồng. Khoản nợ đã được thanh toán xong ngày 14/7/2021.

Chị Nguyễn Thị L trình bày khoản tiền vay 300 triệu đồng của Ngân hàng nêu trên chị không sử dụng mà ông Nhường và bà Nèo cho cháu vay. Tuy nhiên, chị không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Chứng từ giao dịch giải ngân khoản vay do Ngân hàng cung cấp thể hiện chị L là người vay và là người nhận tiền

vay tiền mặt. Thời điểm vay trong thời kỳ hôn nhân và mục đích vay cải tạo nhà ở. Do đó, xác định khoản vay nêu trên là vay chung của vợ chồng anh T chị L.

Ông Nguyễn Hữu N cung cấp các Chứng từ giao dịch tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Thanh O về việc trả nợ thay cho chị L. Chứng cứ của ông Nhường cung cấp phù hợp với tài liệu do Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Thanh O cung cấp theo yêu cầu của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Do đó, đủ căn cứ để xác định ông Nguyễn Hữu N là người thay mặt chị L đã trả toàn bộ số tiền 457.956.100 đồng cho Ngân hàng. Ông Nhường và vợ bà Nèo đề nghị Tòa án xem xét giải quyết trách nhiệm của chị L, anh T phải thanh toán lại khoản nợ nêu trên cho ông bà. Nhận thấy yêu cầu độc lập của ông Nhường, bà Nèo đề nghị anh T, chị L thanh toán khoản nợ có căn cứ nên chấp nhận. Buộc chị L, anh T mỗi người phải trả cho ông Nhường số tiền 228.978.050 đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ khoản tiền cần trả cho ông Nhường là 457.956.100 đồng cho anh Nguyễn Hữu T có trách nhiệm trả cho ông Nhường khi ông Nhường có yêu cầu. Phần của chị L phải hoàn trả lại cho anh T số tiền nợ ngân hàng cả gốc và lãi do ông Nhường đã thanh toán là: 228.978.050 đồng. Quyết định nêu trên của Tòa cấp sơ thẩm là thiếu sự công bằng với chị L. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm bỏ phần giao trách nhiệm thanh toán tiền nợ cho anh T mà buộc anh T, chị L có trách nhiệm thanh toán cho ông Nhường mỗi người ½ khoản nợ.

Anh T kê khai vợ chồng còn có các khoản vay khác gồm: Vay của chị Nguyễn Thị L số tiền 50.000.000 đồng; Vay của Quỹ nước sạch 20.000.000 đồng. Tài liệu hồ sơ thể hiện khoản vay chị Lương là khoản vay riêng của anh T. Về khoản vay Quỹ nước sạch anh T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trên của anh T là có căn cứ.

Chị L kê khai thêm vợ chồng còn có khoản vay chung là vay của bà Hoàng Thị T 25.000.000 đồng. Tài liệu hồ sơ thể hiện khoản nợ riêng của chị L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị L và giành cho bà Hoàng Thị T quyền khởi kiện khi có yêu cầu là có căn cứ.

[5] Về án phí: Do Tòa cấp phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm nên chị L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 59, Điều 61 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị L, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 36/2022/HNGĐ-ST ngày 08/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Thanh O. Cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn của chị Nguyễn Thị L, cụ thể:

Xác định tài sản chung vợ chồng của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu T gồm: 01 ngôi nhà mái bằng xây cuối năm 2009 có diện tích 70m² xây trên thửa đất số 274, tờ bản đồ số 05 diện tích 629m² đứng tên hộ ông Nguyễn Hữu N tại thôn Bach Nao, xã T, huyện Thanh O, Thành phố Hà Nội; 01 ti vi; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt; 01 điều hòa; 02 xe máy; 01 xe đạp; 01 xe đạp điện; 01 máy khâu; 02 xe công nông tự chế; 01 bộ ghế gỗ; 01 kệ để ti vi; 01 bộ giàn âm thanh; 01 kết sắt. Tổng giá trị tài sản là 164.758.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu T có quyền được hưởng mỗi người một nửa giá trị là 82.379.000 đồng.

Phân chia bằng hiện vật: Giao cho anh Nguyễn Hữu T có quyền sở hữu tài sản gồm: 01 ngôi nhà mái bằng xây cuối năm 2009 có diện tích 70m² xây trên thửa đất số 274, tờ bản đồ số 05 diện tích 629m² đứng tên hộ ông Nguyễn Hữu N tại thôn Bach Nao, xã T, huyện Thanh O, Thành phố Hà Nội; 01 ti vi; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt; 01 điều hòa; 02 xe máy; 01 xe đạp; 01 xe đạp điện; 01 máy khâu; 02 xe công nông tự chế; 01 bộ ghế gỗ; 01 kệ để ti vi; 01 bộ giàn âm thanh; 01 kết sắt.

Buộc anh Nguyễn Hữu T phải thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền gồm: Tiền chia tài sản chung 82.379.000 đồng; Tiền thanh toán công sức là 230.000.000 đồng. Tổng tiền là 312.379.000 đồng.

2. Về nợ chung, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị N. Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu T phải thanh toán cho ông Nguyễn Hữu N tổng số tiền vay 457.956.100 đồng. Buộc chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu T mỗi người phải thanh toán cho ông Nguyễn Hữu N số tiền là: 228.978.050 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định theo điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L xác định khoản vay của bà Hoàng Thị T số tiền 25.000.000 đồng là vay nợ chung vợ chồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hữu T xác định các khoản vay của chị Nguyễn Thị L số tiền 50.000.000 đồng và vay của Quỹ nước sạch số tiền 20.000.000 đồng là vay nợ chung của vợ chồng.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải nộp số tiền 4.119.000 đồng án phí chia tài sản.

Chị Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 4.170.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 01662 ngày 23/04/2019 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh O, Thành phố Hà Nội. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền nộp tạm ứng án phí 830.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 01662 ngày 23/04/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh O, Thành phố Hà Nội. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 53891 ngày 15/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh O, Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

1. TAND huyện Thanh O;
2. VKSND TP Hà Nội;
3. Các đương sự;
4. Chi cục THA huyện Thanh O;
5. Lưu hồ sơ, VP.

Trần Thị Thanh Thảo